

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-04-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/04/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1993; (có mặt)

ĐKKH: Thôn L, xã A, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1991; (có mặt)

ĐKKH; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện Thanh Hà, Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang T trên cơ sở tự nguyện, có**

đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 (nay là A), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và lo cho vợ con. Theo chị, anh T nghiện ma túy. Đầu năm 2019 chị H đã làm đơn xin ly hôn. Sau đó, chị rút đơn cho anh T cơ hội để thay đổi. Tuy nhiên đến nay, chị xác định anh T không thay đổi, giữ thói hư, tật xấu nên chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quang T. Đ, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, chị nhất trí anh T nuôi con, chị cấp dưỡng tiền nuôi con nếu anh T yêu cầu. Tại phiên tòa, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Quang T trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị H đã khai. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T chơi bời, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra xung đột, mâu thuẫn. Anh và chị H đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Quang T. Đ, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn, anh xin nuôi con, anh yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, anh nhất trí chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên : Anh xác định anh và chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Quang L (bố đẻ của anh T): Chị H, anh T trong quá trình chung sống, thỉnh thoảng xảy ra xung đột, khi xung đột thì chị H lại tự ý bỏ về nhà đẻ. Chị H, anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Việc chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 ; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 229; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Quang T. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Quang T nuôi con Nguyễn Quang T. Đ, sinh ngày 19/02/2014. Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2020 đến khi con 18 tuổi. Về án phí : Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chị Vũ Thị H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 (nay là A), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H và ý kiến của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T chơi bời không tu chí làm ăn và không lo cho cuộc sống vợ con. Chị H đã từng làm đơn xin ly hôn sau đó rút đơn cho anh T cơ hội thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết xin ly hôn. Anh T xác định anh chơi bời, không chịu làm ăn, nay anh không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, anh nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Quang T là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về quan hệ con chung* : Vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là Nguyễn Quang T. Đ, sinh ngày 19/02/2014. Anh T có nguyện vọng xin nuôi con, đề nghị chị H cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị H nhất trí anh T nuôi con, sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng, anh T đồng ý. Chấp nhận đề nghị của anh T, tự nguyện cấp dưỡng của chị H, giao con Nguyễn Quang T. Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên*: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị H ly hôn anh Nguyễn Quang T.

2. Về quan hệ con chung : Giao con chung Nguyễn Quang T. Đ, sinh ngày 19/02/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 04/2020 đến khi con 18 tuổi.

Chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008977 ngày tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã A, H. Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng